TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ L** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2024/DS-ST
Ngày 08 tháng 3 năm 2024
Tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Nguyên; Ông Trần Hùng Bích

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 3 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 584/2023/TLST–DS ngày 13/12/2023 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Nguyễn Quốc H, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số I Đ, khóm B, phường B, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số I, đường V, khóm Đ, phường Đ, thành phố L, tỉnh An Giang. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Nguyễn Thị Tú T, sinh năm 1983. Vắng mặt

Địa chỉ: Số E T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/11/2023 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Quốc H trình bày: Ông Nguyễn Quốc H và bà Nguyễn Thị Tú T là đối tác kinh doanh nên ông H đã cho bà T vay số tiền 50.000.000 đồng và thoả thuận lãi suất là 5%/tháng để bà T đáo hạn ngân hàng. Bà T và ông H có lập giấy xác nhận nợ ngày 14/01/2019 và cam kết đến ngày 14/4/2019 sẽ hoàn trả lại cho ông H số tiền trên nhưng bà T vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi như thoả thuận. Ông H nhiều lần liên hệ nhưng bà T trốn tránh, không có thiện chí trả nợ. Do đó, ông H khởi kiện yêu cầu Toà án

giải quyết, buộc bà Nguyễn Thị Tú T trả cho ông Nguyễn Quốc H số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và lãi suất 20/% năm đến khi vụ án được đưa ra xét xử, tiền lãi tạm tính từ ngày 14/01/2019 đến ngày 14/12/2023 là 48.970.000 đồng, lãi suất tiếp tục được tính từ ngày 15/12/2023 đến khi vụ án được xét xử.

Bị đơn Nguyễn Thị Tú T vắng mặt trong thời gian chuẩn bị xét xử, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Tấn P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn phải trả nợ vay là 50.000.000 đồng, đồng thời xác định ngày tính lãi từ ngày 29/7/2019 đến ngày 29/02/2024; Bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468, khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01 ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án án nhân dân tối cao. Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc H. Buộc bị đơn Nguyễn Thị Tú T phải có trách nhiệm trả số tiền vay 50.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,67%/tháng từ ngày 29/7/2019 đến ngày 29/02/2024.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn được Tòa án cấp tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa, không lý do. Do đó, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp

[2.1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các chứng cứ trong hồ sơ thể hiện: Giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận vay số tiền 50.000.000 đồng, trong đó bị đơn ký biên nhận vay với nguyên đơn ngày 14/01/2019, vay số tiền

30.000.000đ và ngày 29/7/2019 viết vào biên nhận vay thêm 20.000.000 đồng, lãi thỏa thuận là 5%tháng. Như vậy, các bên có thỏa thuận giao dịch dân sự bằng hình thức vay và cho vay tài sản, có thỏa thuận kỳ hạn trả nợ theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, nguyên đơn cho rằng bị đơn không trả vốn, lãi theo thỏa thuận, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn về tài sản nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, điều này thể hiện bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ dân sự đối với nguyên đơn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật với mức lãi 20%/năm, thời gian tính lãi từ ngày 29/7/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm. Xét thấy, tại biên nhận nợ ngày 14/01/2019, các bên có thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, thỏa thuận này vượt quá 20%/năm theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 nên việc yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tính lãi theo quy định pháp luật là phù hợp. Do đó, bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn như sau: số tiền vốn 50.000.000 đồng x 20%/năm (1,66%/tháng) x 55 tháng 08 ngày (tính từ ngày 29/7/2019 đến ngày 08/3/2024, nguyên đơn tự nguyện làm tròn là 55 tháng) = 45.650.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền vốn, lãi bị đơn phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn là 95.650.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên được nhận lại tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015;

Điều 2, Điều 6, Điều 7, Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đới với bị đơn

Buộc bà Nguyễn Thị Tú T có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Quốc H số tiền 95.650.000 đồng, trong đó tiền vay là 50.000.000 đồng, tiền lãi là 45.650.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí sơ thẩm

Bị đơn Nguyễn Thị Tú T phải nộp 4.782.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Nguyễn Quốc H 2.470.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001330 ngày 25/12/2023 của Chi cục Thi hành dân sự thành phố L.

[3] Về quyền kháng cáo

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự)

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Tp.Long Xuyên;
- Chi cục THADS Tp.Long Xuyên;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quốc Nam